

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/DS-PT

Ngày: 25-01-2021

V/v tranh chấp: “Quyền sử dụng đất,
Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, Đòi
tài sản và Chia tài sản chung vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: + Ông Huỳnh Văn Ngoan.

+ Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 510/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Quyền sử dụng đất; Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất; Đòi tài sản và Chia tài sản chung của vợ chồng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 178/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 629/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Thanh H, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Hà Thị H1, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Võ Thanh S, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn – anh Lê Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo án sơ thẩm:

- Nguyên đơn – anh Lê Thanh H trình bày:

Anh với chị Hà Thị H1 là vợ chồng, đã ly hôn năm 2016, khi ly hôn có thỏa thuận về tài sản chung, theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 215/2016/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện C. Theo đó, thỏa thuận phân chia các thửa đất: Số 328, diện tích 3.225m²; số 326, diện tích 2.040m²; số 331, diện tích 1.371m²; số 332, diện tích 835m²; số 417, diện tích 3.120m² và số 420, diện tích 597m²; ngoài ra còn có tài sản khác trên đất và căn nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh; chị H1 quản lý toàn bộ số tài sản và có nghĩa vụ giao lại cho anh ½ giá trị tương ứng. Riêng đối với thửa đất số 261, tờ bản đồ số 10, diện tích 2.510,2m², tọa lạc Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang do anh đứng tên quyền sử dụng ngày 19/4/2019 có nguồn gốc là của cha mẹ anh cho riêng anh nên không có liệt kê khi phân chia tài sản vợ chồng; trên đất có trồng xoài Đài Loan do anh Võ Thanh S thuê trước khi ly hôn, từ năm 2011 đến năm 2017. Sau khi ly hôn thì anh làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2018 thì anh phát hiện chị H1 cho anh S thuê đất của chị H1 được chia và cả thửa đất 261 của anh, anh nhiều lần yêu cầu giao trả nhưng chị H1 không đồng ý. Nay anh yêu cầu chị H1 và anh S phải giao trả cho anh thửa đất số 261, tờ bản đồ số 10, diện tích 2.510,2m² tọa lạc Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang và cây trồng trên đất khi bản án có hiệu lực.

Ngày 10/12/2019, anh H có yêu cầu bổ sung: Anh trình bày thời gian thuê đất của anh S trong 02 năm 2017 – 2018 giá thuê là 100.000.000 đồng, đồng thời chị H1 còn thiếu của anh số tiền chia tài sản trước đây chưa giao là 35.800.000 đồng, anh yêu cầu chị H1 phải giao trả cho anh tiền thuê đất là 50.000.000 đồng và số tiền còn thiếu 35.800.000 đồng, yêu cầu tính lãi của số tiền 35.800.000 đồng từ ngày 03/5/2017 cho đến ngày xét xử.

Tại phiên hòa giải ngày 01/9/2020 anh H trình bày: Thửa đất tranh chấp là do anh và cha của anh là ông T canh tác từ năm 1975, không có công sức của chị H1. Khi ly hôn chia tài sản thì tài sản chung của vợ chồng khoảng 14.000m², nhưng chỉ thỏa thuận phân chia 11.188m², không kê khai thửa đất này do chưa được cấp quyền sử dụng. Anh giữ yêu cầu ban đầu.

- Bị đơn – chị Hà Thị H1 trình bày:

Chị thống nhất với anh H về việc ly hôn và thỏa thuận chia tài sản vào năm 2016, khi đó chưa có liệt kê thửa đất diện tích 2.500m². Sau khi ly hôn thì chị trực tiếp quản lý thửa đất này và cho anh Võ Thanh S thuê với thời hạn là 10 năm, giá thuê là 5.000.000 đồng/năm/1.000m². Năm 2019, anh H tự ý kê khai thửa đất; anh H cho rằng là do ông Lê Thanh T là cha ruột anh H cho anh H là không đúng, nguồn gốc đất là do chị và anh H mua của bà B1 (đã chết năm 2004) trong thời kỳ hôn nhân; còn tiền thuê đất là do chị phải thi hành án trả tiền cho anh H, số tiền 35.800.000 đồng chị đã giao đủ cho anh H, không còn nợ. Nay chị yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng, mỗi người ½ diện tích 2.500m²,

cùng cây trồng trên đất kèm theo, còn số tiền thì không đồng ý theo yêu cầu của anh H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Võ Thanh S trình bày:*

Ngày 29/10/2017 (âm lịch) anh có hợp đồng thuê đất với chị H1 diện tích khoảng 14.000m² với giá là 500.000.000 đồng, thời hạn thuê là 10 năm, trong đó theo anh biết là có cả diện tích đất anh H tranh chấp. Sau khi thuê, anh có trồng một số cây ăn trái trên đất, nay trong vụ tranh chấp giữa anh H với chị H1 anh không có ý kiến hay yêu cầu gì, cần thiết anh sẽ khởi kiện vụ án khác.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H và chị H1 thống nhất giá trị tiền thuê đất là 5.000.000 đồng/năm/1.000m², anh H cũng thống nhất yêu cầu số tiền tương ứng diện tích 2.510,2m², chị H1 đồng ý giao trả cho anh H số tiền tương ứng với đất chia cho anh H; anh H rút lại yêu cầu, không yêu cầu chị H1 giao trả số tiền 35.800.000 đồng. Các đương sự không tranh chấp về thực hiện Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 178/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các điều 26, 35, 228 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 166, 213, 219, 500 và Điều 357 Bộ luật Dân sự; các điều 99, 167 và Điều 203 Luật Đất đai; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thanh H về việc yêu cầu chị Hà Thị H1 giao trả số tiền cho thuê đất. Không chấp nhận yêu cầu đòi quyền sử dụng đất của anh H.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Hà Thị H1.

2. Xác định diện tích 2.510,2m² (đo đạc thực tế là 2.428,3m²), thửa số 261, tờ bản đồ số 10, do anh Lê Thanh H đứng tên quyền sử dụng ngày 09/4/2019 tọa lạc Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang cùng cây ăn trái gắn liền trên đất là tài sản chung của vợ chồng anh H và chị Hà Thị H1.

- Anh Lê Thanh H được quyền sử dụng diện tích 1.214,2m² trong diện tích 2.428,3m², phần đất có tứ cận như sau:

- + Đông giáp đất Đỗ Ru Y1, Nguyễn Thoại H2 và Nguyễn Thị A;
- + Nam giáp đất Phạm Văn B;
- + Tây giáp đất chia cho chị Hà Thị H1;
- + Bắc giáp đất Nguyễn Kế T1.

- Chị Hà Thị H1 được quyền sử dụng diện tích 1.214,1m² trong diện tích 2.428,3m², phần đất có tứ cận như sau:

- + Đông giáp đất chia cho anh Lê Thanh H;

- + Nam giáp đất Phạm Văn B;
- + Tây giáp đất của chị H1 đang quản lý sử dụng;
- + Bắc giáp đất Nguyễn Kế T1.

(Có sơ đồ kèm theo)

3. Chị Hà Thị H1 có nghĩa vụ giao trả cho anh Lê Thanh H số tiền cho thuê đất là 18.826.500 đồng.

4. Đình chỉ xét xử về yêu cầu đòi số tiền 35.800.000 đồng của anh H.

Anh H có quyền khởi kiện lại đối với quan hệ tranh chấp này theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

* Ngày 06/10/2020, nguyên đơn – anh Lê Thanh H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết:

- Công nhận toàn bộ thửa số 261, tờ bản đồ số 10, diện tích 2.510,2m²; tọa lạc tại Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang là của cá nhân anh H;

- Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của chị Hà Thị H1 đối với thửa đất nêu trên.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Võ Thanh S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Anh Lê Thanh H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H về việc công nhận

thửa đất số 261, tờ bản đồ số 10, diện tích 2510,2m² tại Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản riêng của anh H; Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của chị H1 về việc xin chia ½ diện tích đất nêu trên.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh H là không có căn cứ, bởi lẽ: Theo anh H trình bày, nguồn gốc thửa đất 261, tờ bản đồ số 10 của cha ruột anh là ông Lê Thanh T làm chủ sử dụng từ năm 1978, đến năm 1986 thì tặng cho riêng anh H nhưng anh H không cung cấp được Giấy tặng cho đất và tại Biên bản lấy lời khai ông Lê Thanh T (bút lục 109), ông T cho biết ông không biết thửa đất 261 và cũng không tặng cho anh H thửa đất này.

Căn cứ vào hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cung cấp thể hiện Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề ngày 09/11/2018 của anh Lê Thanh H (bút lục 58), anh H ghi nguồn gốc đất do ông Lê Thanh T làm chủ sử dụng từ năm 1975 đến năm 1986 tặng cho con là Lê Thanh H canh tác đến nay là do anh H tự kê khai, đăng ký. Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa, anh H thừa nhận khi anh H làm thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa 261 thì chị H1 tranh chấp nhưng không được Ủy ban giải quyết. Anh H cũng thừa nhận thửa đất 261 do anh trực tiếp canh tác từ năm 1986 đến nay nhưng chị H1 thì cho rằng thửa đất 261 có nguồn gốc do vợ chồng chị nhận chuyển nhượng của bà B1, ngụ ấp L1, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Năm 2004 bà B1 chết, có con là Bùi Văn C xác nhận. Tuy không có chứng cứ chứng minh nhưng trên thực tế chị H1 và anh H là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất từ năm 1986 đến năm 2017 chị H1 cho anh Võ Thanh S thuê với thời hạn thuê 10 năm, do đó có đủ cơ sở xác định thửa 261 là tài sản chung của vợ chồng anh H, chị H1. Khi anh H và chị H1 thỏa thuận ly hôn năm 2016 thì đã có thửa đất này, do chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa kê khai và thỏa thuận phân chia; sau khi ly hôn thì giao toàn bộ các diện tích đất của vợ chồng cho chị H1 quản lý, sử dụng trong đó có cả diện tích của thửa 261, vì vậy không có căn cứ để cho rằng thửa đất 261 là tài sản riêng của anh H.

Mặt khác, theo anh H trình bày, anh và chị H1 kết hôn năm 1981, việc tranh chấp tài sản khi ly hôn được giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, mà theo quy định của Luật này thì tài sản của vợ hoặc chồng có trước hoặc sau khi kết hôn đều được xem là tài sản chung của vợ chồng. Do đó, yêu cầu kháng cáo của anh H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm còn có thiếu sót như sau:

Thửa 261, tờ bản đồ số 10, diện tích 2510,2m², loại đất trồng cây lâu năm tại Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang hiện do anh Lê Thanh H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03881 ngày 9 tháng 4 năm 2019. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất này là tài sản chung của vợ chồng anh Lê Thanh H và chị Hà Thị H1, đồng thời chia đôi diện tích đất nêu trên cho anh H

và chị H1 nhưng không xử cho anh H và chị H1 được quyền kê khai đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được chia là không đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự và không đảm bảo cho việc thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn có sai sót trong việc tính án phí. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Lê Thanh H, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Buộc anh H phải chịu 2.731.950 đồng án phí chia tài sản; 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp quyền sử dụng đất; 941.325 đồng án phí có giá ngạch đối với yêu cầu đòi tiền thuê đất, tổng cộng 3.973.275 đồng. Anh H đã nộp tạm ứng án phí 2.445.000 đồng nên còn phải nộp tiếp 1.528.275 đồng.

Chị H1 phải chịu 2.731.725 đồng án phí chia tài sản; 941.325 đồng án phí dân sự có giá ngạch do buộc thực hiện nghĩa vụ trả tiền, tổng cộng 3.673.050 đồng. Chị H1 đã nộp tạm ứng án phí 2.500.000 đồng nên còn phải nộp tiếp 1.173.050 đồng.

Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên anh H không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp cho anh Lê Thanh H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 166, 213, 219, 500 và Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 99, 167 và Điều 203 Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 26, Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Lê Thanh H.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 178/2020/DS- ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thanh H về việc yêu cầu chị Hà Thị H1 giao trả số tiền cho thuê đất.

Không chấp nhận yêu cầu đòi quyền sử dụng đất của anh H.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Hà Thị H1 về việc chia tài sản chung.

Xác định diện tích 2.510,2m² (đo đạc thực tế là 2.428,3m²), thửa số 261, tờ bản đồ số 10, do anh Lê Thanh H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03881 ngày 9 tháng 4 năm 2019. Địa chỉ thửa đất tại Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang cùng cây ăn trái gắn liền trên đất là tài sản chung của vợ chồng anh Lê Thanh H và chị Hà Thị H1.

Anh Lê Thanh H được quyền sử dụng 1.214,2m² đất trong diện tích 2.428,3m² nêu trên, phần đất có tứ cận như sau:

- + Đông giáp đất Đỗ Ru Y1, Nguyễn Thoại H2 và Nguyễn Thị A;
- + Nam giáp đất Phạm Văn B;
- + Tây giáp đất chia cho chị Hà Thị H1;
- + Bắc giáp đất Nguyễn Kế T1.

Chị Hà Thị H1 được quyền sử dụng diện tích 1.214,1m² trong diện tích 2.428,3m² nêu trên, phần đất có tứ cận như sau:

- + Đông giáp đất chia cho anh Lê Thanh H;
- + Nam giáp đất Phạm Văn B;
- + Tây giáp đất của chị H1 đang quản lý sử dụng;
- + Bắc giáp đất Nguyễn Kế T1.

(Có sơ đồ đất kèm theo)

Anh Lê Thanh H và chị Hà Thị H1 được kê khai đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo quy định.

Chị Hà Thị H1 có nghĩa vụ giao trả cho anh Lê Thanh H số tiền cho thuê đất là 18.826.500 đồng (mười tám triệu, tám trăm hai mươi sáu ngàn, năm trăm đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đình chỉ xét xử về yêu cầu đòi số tiền 35.800.000 đồng của anh H.

Anh H có quyền khởi kiện lại đối với quan hệ tranh chấp này theo quy định của pháp luật.

2/- Về án phí: Buộc anh H phải chịu 2.731.950 đồng án phí chia tài sản; 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp quyền sử dụng đất; 941.325 đồng án phí có giá ngạch đối với yêu cầu đòi tiền thuê đất, tổng cộng 3.973.275 đồng. Anh H đã nộp tạm ứng án phí 2.445.000 đồng theo các biên lai thu số 0002795 và 0002796 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên còn phải nộp tiếp 1.528.275 đồng (một triệu, năm trăm hai mươi tám ngàn, hai trăm bảy mươi lăm đồng).

Chị H1 phải chịu 2.731.725 đồng án phí chia tài sản; 941.325 đồng án phí dân sự có giá ngạch do buộc thực hiện nghĩa vụ trả tiền, tổng cộng 3.673.050 đồng. Chị H1 đã nộp tạm ứng án phí 2.500.000 đồng theo các biên lai thu số 0002967 ngày 08/01/2020 và 0003926 ngày 26/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên còn phải nộp tiếp nên còn phải nộp tiếp 1.173.050 đồng (một triệu, một trăm bảy mươi ba ngàn, không trăm năm mươi đồng).

Hoàn 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm cho anh Lê Thanh H theo biên lai thu số 0004111 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy